

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓP CỘP
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS – ST.

Ngày: 09-6-2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP - TỈNH SƠN LA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Thành + Ông Lương Văn Độ.

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Tòng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST – DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 về: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lò Văn T.

Địa chỉ: Bản B, P b, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V.

Địa chỉ: Bản B, xã S C, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Tại phiên tòa anh T và chị V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2020 của nguyên đơn là Lò Văn T có nội dung:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến 2019 thì giữa anh T và chị V có mua bán Trâu Bò với nhau. Trong quá trình mua bán tính đến thời điểm 24/10/2019 thì chị V còn nợ anh T tiền mua Trâu Bò 87.000.000 đồng. Ngày 24/10/2019 chị V viết giấy khất nợ anh T số tiền nêu trên đồng thời hẹn ngày 30/11/2019 sẽ trả đủ cho anh T. Tuy nhiên sau nhiều lần khất nợ chị V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Do vậy anh T làm đơn khởi kiện yêu cầu chị V trả toàn bộ số tiền nợ gốc theo giấy khất nợ ngày 24/10/2019 là 87.000.000 đồng (Tám mươi bảy triệu đồng).

Kèm theo đơn khởi kiện, anh T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau:

- Giấy khất nợ ngày 24/10/2019 (Bản gốc viết tay);
- Giấy hẹn trả tiền ngày 20/12/2019 (Bản gốc viết tay);
- Biên bản hẹn trả nợ ngày 17/01/2020 (Bản gốc viết tay).

Tại văn bản trình bày ý kiến của bị đơn là chị Nguyễn Thị V có nội dung:

Thừa nhận thời điểm 24/10/2019 còn nợ anh Lò Văn T tiền mua Trâu Bò là 87.000.000đ (Tám mươi bảy triệu đồng), sau nhiều lần hứa hẹn mà chưa thanh toán được bất cứ đồng nào. Nay do điều kiện kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên không thể trả nợ cho anh T.

Kèm theo văn bản trình bày ý kiến, chị V đã giao nộp tài liệu, chứng cứ sau:

- 01 bản phô tô chứng thực giấy Chứng minh nhân dân mang tên chị Nguyễn Thị V.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 05/5/2020 và ngày 19/5/2020, các bên đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành (Lần thứ nhất vào ngày 05/5/2020 và lần thứ hai vào ngày 19/5/2020) các đương sự có ý kiến như sau:

Nguyên đơn (Anh T) yêu cầu chị V trả trước 1/2 số nợ gốc (87.000.000đ/2) = 43.500.000 đồng trong tháng 6/2020. Số nợ còn lại 43.500.000 đồng thì trả dần theo tháng, tính từ tháng 7/2020 cho đến khi trả nợ xong. Nếu chị V không nhất trí, thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đồng thời yêu cầu chị V trả nợ lãi trên tổng nợ gốc theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị V đề nghị anh T rút yêu cầu khởi kiện để chị trả nợ lãi hàng tháng trên tổng nợ gốc (87.000.000 đồng) theo mức lãi suất vay của Ngân hàng nhà nước cho đến khi có điều kiện thì sẽ trả nợ gốc 87.000.000 đồng cho anh T.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn – Anh T giữ yêu cầu khởi kiện buộc chị V trả toàn bộ số nợ gốc theo giấy khất nợ ngày 24/10/2019 là 87.000.000 đồng cùng nợ lãi trên tổng nợ gốc theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị đơn – Chị V thừa nhận nợ anh T số tiền 87.000.000 đồng (Tám mươi bảy triệu đồng) từ ngày 24/10/2019 được chứng minh bằng các giấy tờ khất nợ, hẹn trả nợ do anh T giao nộp tại Tòa án. Tuy nhiên do gia đình gặp nhiều khó khăn nên không thể trả nợ ngay được. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 – điểm a khoản 1 Điều 35 – điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn (Anh T) buộc bị đơn (Chị V) trả khoản tiền nợ gốc 87.000.000 đồng là có cơ sở, căn cứ bởi sự kiện giao dịch dân

sự này được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ như: Giấy khất nợ ngày 24/10/2019; Giấy hẹn trả tiền ngày 20/12/2019; Biên bản hẹn trả nợ ngày 17/01/2020 cùng có ký nhận của chị V. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị V đều thừa nhận. Do vậy căn cứ các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; để buộc chị V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T toàn bộ số nợ gốc theo giấy khất nợ ngày 24/10/2019 là 87.000.000 đồng (Tám mươi bảy triệu đồng).

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ lãi đối với khoản nợ gốc 87.000.000 đồng là có cơ sở, căn cứ, bởi tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*". Do vậy căn cứ khoản 4 Điều 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; để buộc chị V trả nợ lãi cho anh T với mức lãi suất theo yêu cầu của anh Thuởng tại phiên tòa là 1,6 %/tháng. Cụ thể như sau: $87.000.000đ \times 1,6\% \times 07 \text{ tháng } 19 \text{ ngày}$ (Từ 24/10/2019 đến 09/6/2020) = 10.625.600 đ (Mười triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của anh T được Tòa án chấp nhận nên chị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Anh T được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của anh Lò Văn T đối với chị Nguyễn Thị V.

2. Buộc chị Nguyễn Thị V trả nợ gốc theo giấy khất nợ ngày 24/10/2019 cho anh Lò Văn T là 87.000.000 đồng (Tám mươi bảy triệu đồng).

3. Buộc chị Nguyễn Thị V trả nợ lãi cho anh Lò Văn T là 10.625.600 đ (Mười triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

* Tổng nợ gốc và lãi chị Nguyễn Thị V phải trả nợ cho anh Lò Văn T là: 97.625.600 đồng (Chín mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

4. Về án phí:

- Buộc chị Nguyễn Thị V nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.881.000 đồng (Bốn triệu tám trăm tám mươi một nghìn đồng).

- Trả cho anh Lò Văn T toàn bộ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.350.000 đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số: AA/2016/0003445, ngày 20/4/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

5. Báo cho anh Lò Văn T và chị Nguyễn Thị V biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận; nếu không có sự thỏa thuận về lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện (2 bản);
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Kỳ Việt